TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: **557**/2023/HS-PT Ngày: 18/7/2023	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Bà Lê Thị Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 462/2023/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị X (L) bị xét xử sơ thẩm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HSST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Thị X; tên gọi khác: L; sinh ngày 12 tháng 8 năm 1979 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Tổ I, khu B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M (M1) Q và bà Nguyễn Thị X1; có chồng và 03 con; tiền án, tiền sự: Chưa có; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/3/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đào Bá Y, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M2; sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ H, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của chị M2: Ông Đặng Quốc A; địa chỉ: G N, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Các bị hại: Phạm Thị N; Trần Trung H; Đồng Xuân H1; Nguyễn Bá D; Nguyễn Ngọc H2; Bùi Thu T; Trịnh Văn H3, Phạm Hoàng Phương L1; Nguyễn

Thị P, không kháng cáo, Tòa không triệu tập.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Lê Thị Ngọc D1; Bùi Thu T1; Bùi Long H4, Định Thị M3; Đinh Thị L2; Nguyễn Phương Thảo L3; Nguyễn Thanh T2; Nguyễn Trung D2; Hoàng Hữu Q1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, khi sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Thị X tự nhận mình có quan hệ quen biết với Công ty Cổ phần P1 (L), là Chủ đầu tư Dự án khu đô thị B, thành phố H, có thể mua được các ô đất "suất ngoại giao" tại Dự án này để mọi người tin tưởng và chuyển tiền đặt cọc mua đất cho X. Sau khi nhận được tiền của bị hại, một phần X chuyển cho người khác để đặt cọc, một phần sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau khi X được thông báo về việc không thể mua bán các ô đất tại dự án trên và đã được nhận lại tiền cọc, nhưng X không chuyển trả cho người bị hại mà sử dụng hết vào việc cá nhân. Ngoài ra, mặc dù biết việc đặt cọc mua đất tại Dự án không thực hiện được hoặc có ô đất dù đã bán cho người khác nhưng X vẫn tiếp tục nhận tiền cọc mua đất của những người có nhu cầu rồi chiếm đoạt. Hoặc Xuyến nói dối mình có quyền quản lý sử dụng đối với thửa đất rồi lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác để thế chấp vay tiền, hoặc dùng thủ đoạn rủ người khác góp chung tiền đầu tư kinh doanh đất, nói dối cùng góp chung tiền để mua đất sau đó lấy nhiều lý do gian dối để không trả lại tiền. Cụ thể như sau:

- Hành vi chiếm đoạt 200.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Quỳnh M2: Nguyễn Thị X hỏi vay chị Nguyễn Thị Quỳnh M2 số tiền 200.000.000 đồng. Để chị M2 tin tưởng, X đưa cho chị M2 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 509740, cấp cho thửa đất số 200, lô số 09 tờ bản đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất đai, khu dân cư B, xã L, huyện H mang tên Đinh Thị M4 có diện tích 300 m^2, khu quy hoạch dân cư Bắc Cửa Lục, đồng thời Xuyến có viết tay Giấy biên nhận trong đó có nội dung: "*tôi hẹn chị đến ngày 26/8/2020 tôi sẽ trả lại tiền cho chị và lấy sổ đỏ trên về để bán cho người khác*". Tuy nhiên thực tế lô đất trên trước đây là của ông Ninh Xuân H5 đã bán lại cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu T3 (là người quen của X) và anh Đào Duy Tùng, anh T4 đã trình báo cơ quan chức năng về việc mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Đến tháng 12/2019, chị T3, anh T4 đã được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và đã chuyển nhượng giấy chứng nhận trên cho người khác. Vì tin tưởng X có đất thật nên chị M4 đồng ý cho X vay số tiền 200.000.000 đồng. Xuyến thỏa thuận khi nào trả tiền sẽ trả thêm cho chị M4 100.000.000 đồng và viết giấy biên nhận vay số tiền 300.000.000 đồng đưa cho chị M4 giữ. Sau khi nhận được tiền, X sử dụng vào mục đích cá nhân mà chưa trả lại cho chị M4. Hiện nay X chưa trả tiền để khắc phục hậu quả đã chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng vay của chị M4.

- Chị Nguyễn Thị Quỳnh M2 cho rằng bị cáo X lừa đảo chiếm đoạt cả số tiền 1,2 tỷ đồng của chị. Cụ thể: Vào ngày 18/7/2019, X có vay chị số tiền là 2,6 tỷ

đồng và X có đặt cho chị hai sổ đỏ của hai ô đất số 10B, 11B ở T, Q đứng tên X và có văn bản từ chối tài sản của chồng X, thời hạn vay là 14 ngày (đến ngày 31/7/2019) giữa chị và X lập một hợp đồng vay tiền, X có ký xác nhận và điểm chỉ xác nhận. Sau đó X không trả được tiền vay cho chị thì có thỏa thuận và chuyển nhượng hai sổ đỏ của thửa đất trên cho chị để trừ vào số tiền đã vay tại thời điểm năm 2019, tổng giá trị hai thửa đất mà Xuyến đặt cho chị có giá là 1,5 tỷ đồng trừ đi 2,6 tỉ đồng tiền vay là còn nợ 1,1 tỉ đồng và X cũng trả cho chị được 100.000.000 đồng. Đến ngày 25/10/2019 X hỏi vay chị M2 thêm 200.000.000 đồng để X lo việc ở Tòa án tỉnh để xóa phong tỏa tài sản thì X sẽ bán được đất và trả nợ cho chị, chị có yêu cầu phải công chứng và lập một Hợp đồng vay tiền ngày 25/10/2019 với X, cộng số tiền 200.000.000 đồng X muốn vay với số tiền 1 tỷ đồng Xuyến còn nợ chưa trả của khoản vay 2,6 tỷ đồng ngày 18/7/2019 thành số tiền 1,2 tỷ đồng như hợp đồng vay tiền giữa chị và X.

Ngoài ra bị cáo còn có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại khác, cụ thể: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của bà Phạm Thị N 1.800.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị Bùi Thu T 950.000.000 đồng; lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 300.000.000 đồng của bà Phạm Thị N; chiếm đoạt số tiền 1.800.000.000 đồng của chị Bùi Thu T; chiếm đoạt 1,2 tỷ của anh Đồng Xuân H1; chiếm đoạt của anh Trần Trung H 800.000.000 đồng; chiếm đoạt 1.600.000.000 đồng của anh Nguyễn Bá D và anh Nguyễn Ngọc H2; chiếm đoạt 2.623.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị P; chiếm đoạt 2.100.000.000 đồng của chị Phạm Hoàng Phương L1; chiếm đoạt 300.000.000 đồng của anh Trịnh Văn H3.

Quá trình điều tra, X khai: Bản thân không có giấy phép kinh doanh bất động sản, không có vai trò, chức năng gì trong dự án khu đô thị B nhưng đã nhận tiền đặt cọc mua đất ở dự án này của nhiều người, sau khi nhận tiền, X sử dụng vào mục đích kinh doanh cá nhân, không chuyển cho ai để đặt cọc mua đất theo thỏa thuận. Lý do bị cáo nhận tiền của người khác nhưng không đặt cọc theo thỏa thuận là vì bị cáo cho rằng nếu không lấy được đất thì số tiền phạt cọc sẽ thấp hơn số tiền lãi nếu bị cáo phải đi vay lãi suất cao.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1 Điều 175); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"); Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 15 (mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 12 (mười hai) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 27 (hai mươi bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 05/3/2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589; Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Quỳnh M2 (sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ H, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả tiền cho những người bị hại khác trong cùng vụ án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31/3/2023, bị hại Nguyễn Thị Quỳnh M2 có đơn kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị X; yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại lên 1.500.000.0000 đồng.

- Ngày 06/4/2023, anh Phạm Thế M5 (chồng bị cáo X) có đơn đề nghị kháng nghị đối với bản án sơ thẩm vì cho rằng: Bị cáo Nguyễn Thị X có bệnh án tâm thần nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bị cáo đi giám định tâm thần.

3. Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận bị truy tố, xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là đúng, không oan. Lời khai của bị cáo tại cơ quan Công an là chính xác, khách quan, không bị đe dọa, ép buộc gì. Bị cáo đồng ý trả lại cho các bị hại số tiền đã nhận. Đối với khoản vay của chị Nguyễn Thị Quỳnh M2, bị cáo đồng ý trả cho chị M2 200.000.000 đồng, số tiền 1.200.000.000 đồng chỉ là giao dịch dân sự còn 100.000.000 đồng là tiền lãi bị cáo hứa hẹn trả cho chị M2 trong số tiền vay 200.000.000 đồng.

- Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Quỳnh M2 yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị M2 số tiền 1,5 tỷ đồng và cho rằng trong hợp đồng vay giữa chị M2 và bị cáo có nội dung rõ ràng nếu X không hoàn trả lại số tiền đã vay có nghĩa là X đã có hành vi phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản mặc dù Xuyến có điều kiện để trả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham dự phiên tòa có quan điểm về vụ án như sau:

+ Căn cứ vào ác tài liệu có trong hồ sơ, cũng như diễn biến tại phiên tòa thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 15 (mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 12 (mười hai) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 27 (hai mươi bảy) năm tù. Buộc bị cáo Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Quỳnh M2 số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) là có căn cứ đúng người, đúng quy định của pháp luật. Số tiền bị cáo X2 vay của chị Quỳnh M2 là giao dịch dân sự. Do đó, kháng cáo tăng hình phạt của bị hại đối với bị cáo là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên, thẩm phán, thư ký trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Đơn kháng cáo của người bị hại trong hạn luật định, đúng quy định của pháp luật do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về sự vắng mặt của bị hại: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Nguyễn Thị Quỳnh M2 vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và người đại diện cũng đã có mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của chị M2 không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung đề nghị cho bị cáo giám định tâm thần của anh Phạm Thế M5 (chồng của bị cáo): Căn cứ các tài liệu thu thập bệnh án của bị cáo không đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu giám định tâm thần cho bị cáo.

[3]. Về hành vi của bị cáo:

Bị cáo thừa nhận bị truy tố, xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định:

Trong thời gian từ năm 2018 đến 2021, Nguyễn Thị X đã có hành vi nói dối là mình có quen biết với chủ đầu tư Dự án Khu đô thị B thành phố H, nhiều lần nhận tiền của nhiều người để đặt cọc mua đất tại dự án này hứa hẹn ký hợp đồng mua bán với chủ đầu tư hoặc mua đi bán lại để chia lợi nhuận nhưng sau đó không trả. Tổng số tiền mà bị cáo X lừa đảo và lạm dụng chiếm đoạt của các bị hại là **11.373.000.000 đồng;** trong đó, bị cáo chiếm đoạt của bị hại chị Nguyễn Thị Quỳnh M2 số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng chẵn). Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị X đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1 Điều 175) Bộ luật Hình sự năm 2015, như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tuyên xử.

[4]. Xét kháng cáo của bị hại chị Nguyễn Thị Quỳnh M2, thấy:

Tháng 6/2019, chị Nguyễn Thị Thu T3 và anh Đào Duy Tùng mua thửa đất của ông Ninh Xuân H5 (địa chỉ tổ C, khu C phường H, H) thửa đất có diện tích 300m^2, địa chỉ xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi mua bán xong, chị T3 để GCNQSDĐ ở xe ô tô của mình và đón Nguyễn Thị X (là người quen) đi xem đất và bị mất sổ đỏ trên. Anh T4 đã trình báo cơ quan chức năng về việc mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 12/2019, chị T3 và anh T4 đã được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa

đất trên cho người khác.

Ngày 28/9/2020, X hỏi vay chị Nguyễn Thị Quỳnh M2 số tiền 200.000.000 đồng. Để chị M2 tin tưởng, X đưa cho chị M2 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên (số AI 509740, cấp cho thửa đất số 200, lô 09 tờ bàn đồ quy hoạch chi tiết sử dụng đất lâu dài, khu dân cư B, xã L, huyện H mang tên Đinh Thị M4 có diện tích 300m^2, khu Q), X nói đây là đất của X và chỉ vay trong 1 tuần, khi nào X bán mảnh đất này thì chị M4 đi cùng X và X bán được đất sẽ trả hết tiền cho chị M4. Đồng thời X có viết tay giấy biên nhận với nội dung "tôi hẹn chị đến ngày 26/8/2020 tôi sẽ trả lại tiền cho chị và lấy sổ đỏ trên về để bán cho người khác". Chị M4 tin tưởng nên chuyển khoản cho X 200 triệu đồng (còn 100 triệu đồng Xuyến cho M4, nên khi viết giấy X vẫn viết là vay số tiền 300 triệu đồng đưa cho chị M4 giữ) (lời khai của chị M4 tại biên bản đối chất BL 691-694). Sau khi nhận được tiền, X sử dụng vào mục đích cá nhân, đến nay chưa trả lại cho chị M4.

Như vậy, việc cấp sơ thẩm xác định bị cáo X đã chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Quỳnh M2 số tiền 200 triệu đồng và tuyên buộc bị cáo phải trả cho bị hại chị M2 số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về nội dung chị M2 cho rằng X lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt cả số tiền 1.200.000.000 đồng của chị, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 18/7/2019, X có vay của chị M2 tiền là 2,6 tỷ đồng và X có thế chấp cho chị 02 sổ đỏ của 02 lô đất số 10B và số 11B ở xã T, thị xã Q đứng tên X, có văn bản từ chối tài sản của chồng X và giữa X và chị M2 lập một hợp đồng vay tài sản, X có ký xác nhận và điểm chỉ. Khi X không trả được tiền cho chị M2 thì có thỏa thuận và chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho chị để trừ vào số tiền vay. Tổng trị giá 02 thửa đất trên có giá 1,5 tỷ đồng, trừ đi 2,6 tỷ đồng tiền vay, còn lại nợ 1,1 tỷ đồng và X cũng đã trả cho chị M2 được 100 triệu đồng, còn lại 01 tỷ đồng. Đến ngày 25/10/2019, X hỏi vay thêm chị M2 200 triệu đồng; chị M2 có yêu cầu phải công chứng và có gọi công chứng viên đến nhà chị lập một hợp đồng vay tiền với X, cộng số tiền 200 triệu Xuyến muốn vay với số tiền 01 tỷ đồng của X còn nợ chưa trả thành 1.200.000.000 đồng (Hợp đồng vay tiền giữa chị M2 và Xuyến ngày 18/7/2019 - BL 691- 694 biên bản đối chất). Như vậy, về khoản 1.200.000.000 đồng Xuyến chưa trả được cho chị M2 theo thỏa thuận chi là vi phạm trong giao dịch dân sự. Do đó nếu phát sinh tranh chấp chị M2 có thể khởi kiện đòi số tiền 1,2 tỷ trong một vụ án dân sự khác.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị X đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo 15 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 12 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 27 năm tù là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của chị Nguyễn Thị Quỳnh M2 đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị X và bồi thường số tiền 1.5 tỷ đồng do hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (là số tiền 300 triệu đồng) và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (là số tiền 1,2 tỷ đồng) là không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Xét đơn kiến nghị khẩn cấp của anh Trần Thế M6 (là chồng bị cáo X), về đề nghị giám định tâm thần đối với bị cáo thấy: Hồ sơ vụ án có tài liệu xác minh, thu thập hồ sơ bệnh án tâm thần của bị cáo Nguyễn Thị X (BL 1112-1124) thể hiện: Xuyến 02 lần đến khám và điều trị tại Bệnh viện T6: Lần 1 vào viện ngày 06/3/2012, ra viện ngày 22/3/2012; Lần 2 vào viện ngày 20/7/2015, ra viện ngày 10/8/2015. Chẩn đoán khi ra viện: T5 căn suy nhược (F48.0). Tòa án cấp sơ thẩm đã xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng; đã thu thập bệnh án của bị cáo và xét thấy bị cáo không thuộc trường hợp phải giám định tâm thần. Do đó, kiến nghị của anh Trần Thế M6 là không có cơ sở chấp nhận.

Các tình tiết mà người đại diện bị hại nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm đều là những tình tiết đã được xem xét tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay cũng không có văn bản tài liệu nào khác để xem xét theo nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Quỳnh M2.

Từ những phân tích trên: Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Quỳnh M2, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Quỳnh M2. Giữ nguyên các quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

[1.1.] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị X (tên gọi khác: L1) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1 Điều 175); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"); Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 15 (mười lăm) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 12 (mười hai) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 27 (hai mươi bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 05/3/2021.

[1.2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589; Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; Buộc bị cáo Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Quỳnh M2 (sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ H, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà bị cáo chậm trả tiền, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với

thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M2 phải chịu 300.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016208 ngày 28/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo (qua trại);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng